

Bản án số: 86/2019/DS-PT

Ngày: 09-9-2019

V/v “Tranh chấp lỗi đi chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa Ông Bùi Ai Giôn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp lỗi đi chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố BR bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1969. Địa chỉ: Tổ 10, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà NLQ1, sinh năm 1960 và ông NLQ2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tổ 12, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (NLQ1 có mặt, NLQ2 vắng mặt).

3.2 Bà NLQ3, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

3.3 Bà NLQ4, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ 10, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông NLC1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

4.2. Ông NLC2, sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

4.3. Bà Trần Thị Xuân, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

4.4. Ông NLC3, sinh năm 1959. Địa chỉ: Tổ 8, Ô5, ấp B 2, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Q và bà NLQ4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông được thừa kế quyền sử dụng diện tích đất 917,2m² thuộc thửa 53 tờ bản đồ số 3, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) số BS 445070 do UBND thành phố BR cấp ngày 25/3/2015. Trên đất có ngôi nhà từ đường có từ thời ông bà nội để lại, khi cha mẹ ông còn sống vẫn sử dụng đi lại trên con đường trước nhà, theo ông thì con đường này đã có hơn 100 năm nay. Đây là lối chung của các hộ gia đình lân cận và gia đình ông cho đến khi Nhà nước mở những con đường mới thì các hộ dân khác không sử dụng lối đi này nữa mà đi thẳng từ nhà ra đường lớn. Riêng gia đình ông phải đi qua lối đi này mới ra được đường lớn, nhưng ngày 15/6/2018, vợ chồng ông Q, bà N có đất giáp ranh đòi rào lại không cho gia đình ông sử dụng và hiện nay làm công gây khó khăn cho việc sử dụng lối đi này. Con đường này là lối đi độc đạo duy nhất của gia đình ông để đi ra đường lớn, nay vợ chồng ông Q, bà N làm công cản trở việc đi lại gây ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống, đi lại sinh hoạt hàng ngày của gia đình ông. Do đó, ông đã làm đơn yêu cầu các cấp có thẩm quyền giải quyết, UBND xã HL đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Q, bà N tháo công và vật kiến trúc trên đất để trả lại con đường đi chung, theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BR đo vẽ xác nhận ngày 04/5/2019 có diện tích là 16,6m² để sử dụng làm lối đi chung.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Vợ chồng ông là chủ sử dụng diện tích đất 730,3m² thuộc thửa 68 tờ 3 xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 573569 do UBND thành phố BR cấp ngày 20/3/2007. Nguồn gốc đất do gia tộc để lại, cha mẹ tặng cho ông vào năm 1988, khi nhận đất sử dụng thì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông sử dụng đất theo sơ đồ vị trí mô phỏng của địa chính xã HL quản lý. Qua việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Biên với gia đình bà NLQ1 đối với thửa 171 (nay là thửa 67) tờ bản đồ số 03 xã HL, xác định đất của ông theo đường vẽ của cán bộ đo vẽ là giáp ranh thửa đất mà NLQ1 và bà Biên tranh chấp, không có đường đi chung, nhưng theo sơ đồ vị trí thửa đất hiện nay thì tự nhiên đất của ông lại mất đi một góc xéo để mở đường đi chung cho gia đình NLQ1, ông T nên nhìn vào rất khó coi và phi lý (sơ đồ vị trí năm 1992). Đến năm 2007, ông được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông phát hiện đất của mình bị mất một góc nên bị xéo và có thắc mắc thì được cán bộ địa chính xã HL giải thích rằng, cứ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi làm thủ tục chỉnh lý sau, lúc bấy giờ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là mừng nên đem thế chấp để vay vốn làm ăn. Chuồng trại nuôi heo được xây cất giáp đất của gia đình NLQ1 và bỏ nhờ phân qua phần đất này, lúc đó đất đã có chủ nhưng lại bỏ hoang, không có ai canh tác nên vợ chồng ông nhờ đường vận chuyển thức ăn, heo xuất chuồng, chuyển nguồn phân đi và cả ông T cũng đi nhờ trong phần đất của ông, dẫu chân đi lâu ngày thành một đường mòn nên gia đình NLQ1, ông T cho rằng là lối đi chung và không hiểu vì sao, lý do gì mà cán bộ địa chính xã HL cho rằng góc đất của ông hiện nay đang tranh chấp là đường đi chung. Sau đó ông hỏi lại cán bộ địa chính thành phố BR thì được hướng dẫn đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chỉnh lý, nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp vay vốn thời gian dài nhưng chưa có tiền thanh toán không thể lấy về để chỉnh lý được. Đến bây giờ không còn nuôi heo nữa nên ông rào lại như hiện trạng thi hành án thành phố BR đã rào thì chị em NLQ1 đến hỏi mua lại đường đi, nhưng ông không bán nên ông T khởi kiện ra tòa. Qua yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trả lại con đường đi chung, ông không đồng ý, vì phần đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông từ trước cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà NLQ4 trình bày: Bà là vợ ông Q, vợ chồng bà đang sử dụng diện tích đất 730,3m² thuộc thửa 68 tờ 3 xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 573569 do UBND thành phố BR cấp ngày 20/3/2007 đứng tên ông Q, có nguồn gốc do cha mẹ chồng để lại, phát triển nuôi heo từ năm 1991. Chuồng trại được xây dựng giáp ranh thửa 67 (là phần đất tranh chấp giữa gia đình bà NLQ1 với bà Nguyễn Thị Biên). Phần đất tranh chấp là góc đất bị mất và xéo là đường vận chuyển thức ăn cho heo, chuyển heo xuất chuồng và chuyển phân khô đi của gia đình bà. Từ trước đến nay ông T vẫn đi nhờ qua đất của gia đình bà, đến khi không còn nuôi heo nữa thì làm cửa rào lại phần đất này thì NLQ1 đến hỏi mua lại nhưng vợ chồng bà không bán nên xảy ra tranh chấp. Nay ông T khởi kiện yêu cầu tháo dỡ vật kiến trúc trên đất để trả lại con đường đi chung bà không đồng ý.

2. Bà NLQ1 trình bày: Bà là chị gái ông T, sinh ra và lớn lên sống chung với gia đình thì đã có con đường đi chung vào đất của cha mẹ và cả xóm gần ba bốn chục hộ vẫn sử dụng con đường này, nhưng hiện nay gia đình ông Q làm cổng không cho ông T và gia đình bà sử dụng con đường này. Bà khẳng định từ nhà ông T đi ra đường bê tông phải đi qua đất của gia đình bà, trước đây là đường xe bò rồi đi qua phần đất của nhà nước khoảng 3m hiện đang tranh chấp, đất này là lối đi chung không phải đất của ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 và bà NLQ3 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có ý kiến gì.

Người làm chứng trình bày:

1. Ông NLC1 trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 52 tờ bản đồ số 03 xã HL, trước đây các hộ dân xung quanh cũng như gia đình ông T và gia đình ông Q vào mùa khô thường đến gánh nước tại giếng nước của gia đình ông và các hộ dân sử dụng lối mòn từ đất của gia đình ông Q đi qua đất của ông Sâm và đất của bà Xuân, nhưng không biết lối mòn này hình thành từ thời gian nào và thuộc quyền sử dụng của ai.

2. Ông NLC2 trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 32 tờ bản đồ số 3 xã HL (đối diện với đất của ông Hùng), trước đây các hộ dân xung quanh cũng như gia đình ông T và gia đình ông Q thường đến gánh nước tại giếng của ông Hùng vào mùa khô và đi từ nhà ông Q và nhà ông T đến nhà ông Hùng các hộ dân sử dụng lối mòn đi qua đất của ông Sâm và bà Xuân. Sau này có giếng khoan nên các hộ dân không đi gánh nước nữa và do nhà nước mở thêm đường mới nên không ai sử dụng lối mòn này và đến năm 2008 thì ông Sâm làm nhà rào lại.

3. Bà Trần Thị Xuân trình bày: Bà là chủ sử dụng thửa đất số 60 tờ bản đồ số 03 xã HL, ông T sử dụng thửa 53 và ông Q sử dụng thửa 68 tờ bản đồ số 03 xã HL. Từ đất của bà đến đất của ông T và ông Q có một lối mòn nhỏ đi qua đất của ông Sâm và bà Nguyễn Thị Biền (hiện nay ông Lê Văn Hạnh đứng tên) để đi ra đường đi chung, lối đi này là đi ngang qua đất của người dân nhưng không biết của ai.

4. Ông NLC3 trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 61 tờ bản đồ số 03 xã HL có từ cận phía Đông giáp thửa 46 của ông Lê Văn Vĩ (nay là thửa 53 của ông T) và thửa 67 của bà Nguyễn Thị Biền (nay là ông Lê Văn Hạnh đứng tên); phía Tây giáp thửa 45 của bà Nguyễn Thị Miêng và thửa 60 của bà Trần Thị Xuân; phía Bắc giáp thửa 34 của bà Nguyễn Thị Đàm và phía Nam giáp đường số 21. Do là hàng xóm láng giềng nên ông Sâm đồng ý cho các hộ dân đi qua phần đất của mình để gánh nước tại giếng nước của ông Hùng. Trước đây từ nhà của ông Hùng và bà Xuân đến nhà của ông Q và ông T thì các hộ dân đi qua đất của ông tạo thành lối mòn và đến năm 2008 thì ông rào hàng rào không cho đi qua đất nữa. Ông chỉ biết các hộ dân sử dụng lối mòn này có từ trước đi qua đất của ông để đến gánh nước tại giếng nước của ông Hùng, còn hiện nay trên bản đồ địa chính xã HL thể hiện có lối đi chung ông không biết được hình thành từ thời gian nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố BR quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 227, 228, 229, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 và Điều 254 của Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 203 của Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 tháo dỡ vật kiến trúc trên diện tích đất 16,6m² thuộc đường giao thông tờ bản đồ số 3 xã HL, thành phố BR,

tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vị trí, tứ cận theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BR đo vẽ và xác nhận ngày 04/5/2019, kèm theo bản án).

Ngoài ra còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Ngày 08/7/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ4 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm theo hướng: Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, công nhận 16,6m² đất tranh chấp là của vợ chồng ông Q, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 trình bày: Đất của vợ chồng ông bà được gia đình chia thừa kế cho, trước đây khi làm giấy tờ, do cán bộ địa chính sai sót nên ghi thiếu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông bà, ông bà có thắc mắc nhưng cán bộ địa chính trả lời cứ nhận sổ đi, sau này điều chỉnh lại. Sau khi nhận sổ ông bà thế chấp vay vốn của Ngân hàng nên không điều chỉnh được. Phần đất tranh chấp trước đây gia đình NLQ1 và ông T hỏi mua của vợ chồng ông bà nhưng vợ chồng ông bà không bán, nay ông T khởi kiện là không có căn cứ. Ông, bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Lê Văn T trình bày: Diện tích 16,6m² đất từ trước đến nay là lối đi chung của cả xóm, con đường này có từ khi ông chưa sinh ra, sau này một số hộ dân phía dưới do Nhà nước mở đường nên không đi chung lối này, chỉ còn lại hai chị em ông đi vì không có lối đi ra đường mới mở nên vẫn sử dụng làm lối đi từ trước đến nay. Trước đây gia đình ông có bàn với ông Q hỗ trợ cho ông Q một ít tiền để đổ bê tông nhưng ông Q không chịu. Nay, ông Q, bà N rào và làm cổng gia đình ông không đồng ý và khởi kiện yêu cầu ông Q phá bỏ cổng trả lại lối đi chung như nguyên trạng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông buộc ông Q, bà N phá cổng trả lại lối đi chung là có căn cứ đúng pháp luật, ông đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông Q, bà N giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bà NLQ1 và những người làm chứng (Ông NLC1, ông NLC2, bà Trần Thị Xuân, ông NLC3) trình bày: Các ông bà đều khẳng định con đường này có từ thời xưa, là lối đi chung của cả xóm xuống lấy nước. Nay, các ông bà không biết vì lý do gì ông Quan, bà Nga rào lại.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ4 phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự và nộp trong thời hạn luật định. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Ông Q, bà N cho rằng đất tranh chấp là do gia tộc cho ông, nhưng ông Q, bà N không đăng ký kê khai, biên bản họp gia tộc ông Q được cho 730,3m² không có 16,6m² mà hiện nay các bên đang tranh chấp. Theo bản đồ địa chính năm 2002 thể hiện đây là lối đi chung. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông T là đúng pháp luật, kháng cáo của ông Q, bà N không có căn cứ đề nghị Hội đồng không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ4 được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 và bà NLQ3, họ đã có lời khai và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo.

Theo bản đồ địa chính xã HL từ các năm 2002, 2016 và 2018 đều thể hiện có lối đi vào thửa đất 67 như các bên đang tranh chấp, các bản đồ này cũng phù hợp với nội dung Biên bản họp nội tộc ngày 02/12/2005 của gia đình ông Nguyễn Văn Q về việc xác lập quyền thừa kế đất ở cho ông Q 730,3m² và trong quá trình sử dụng đất ông Q cũng chỉ kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 730,3m² thuộc thửa 68 tờ bản đồ số 3 xã HL, theo sơ đồ vị trí xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 của ông Q và tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (theo hiện trạng sử dụng đất) ngày 12/01/2007 thì thửa đất số 68 tờ bản đồ số 03 xã HL của ông Q diện tích là 730,3m² không có phần 16,6m² mà các bên đang tranh chấp làm lối đi chung. Ngày 20/3/2007, ông Q được UBND thành phố BR cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 573569 với diện tích là 730,3m² đúng như diện tích đất ông Q xin cấp giấy. Thực tế các đương sự và các hộ dân xung quanh cũng sử dụng lối đi này làm lối đi chung từ trước đến nay. Ông Q, bà N cho rằng ông đã phát hiện ra việc UBND thành phố BR cấp đất thiếu một góc của ông ngay từ năm 2007 khi mới nhận sổ đỏ, nhưng vì kinh tế khó khăn, giấy tờ đất phải thế chấp cho ngân hàng nên không thể chỉnh lý. Xét thấy, lý do ông Q, bà N đưa ra là không thuyết phục, những trở ngại mà ông Q, bà N trình bày hoàn toàn không phải do khách quan, không thể khắc phục. Nay vợ chồng ông Q tự ý xây cổng trên phần đất là lối đi chung của các hộ dân là trái pháp luật. Ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Q phải tháo dỡ cổng, vật kiến trúc trên đất tranh chấp để trả lại 16,6m² đất làm lối đi chung là có căn cứ. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc vợ chồng ông Q, bà N tháo dỡ vật kiến trúc trên 16,6m² đất là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Q, bà N là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo.

[3] Về chi phí do vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, sao lục tài liệu, chứng cứ và án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ4, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ4 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BR, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Căn cứ các Điều 169 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc tranh chấp lối đi chung đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 phải tự tháo dỡ vật kiến trúc trên diện tích đất 16,6m² thuộc đường giao thông tờ bản đồ số 3 xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vị trí, tứ cận theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố BR đo vẽ và xác nhận ngày 04/5/2019 (kèm theo bản án).

2. Về chi phí đo vẽ, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ và sao lục tài liệu, chứng cứ ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 phải chịu. Do ông Lê Văn T đã nộp tạm ứng, nên buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 phải hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 1.841.922 (một triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn, chín trăm hai mươi hai) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Q, bà NLQ4 phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008768 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BR, Ông Q bà Nga đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn T số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005488 ngày 10/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BR, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Q và bà NLQ4 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008767 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BR, ông Q bà Nga đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 09/9/2019)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. Bà Rịa;
- CCTHADS Tp. Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐẶNG VĂN SỬ

